

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25-10-2019

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hải Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Phi;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 192/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2019 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Thủy T, sinh năm 1991; hộ khẩu thường trú: Tổ G, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương. Chỗ ở hiện nay: Ấp E, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh A, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà T có mặt; bị đơn ông A vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 26/4/2019, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thủy T trình bày:

Bà Huỳnh Thị Thủy T và ông Nguyễn Thanh A chung sống với nhau, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 29/3/2010. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hợp tính tình nên thời gian gần đây thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống vợ chồng đã ly thân khoảng hai năm nay, bà T về nhà mẹ ruột sinh sống, không còn sống chung với ông A. Bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ với nhau được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Nguyễn Thanh A.

Quá trình chung sống, bà T và ông A có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh K, sinh ngày 29/10/2008; Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Huỳnh K và không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Chứng cứ bà T giao nộp: Bản chính đơn xin ly hôn của bà T; bản sao giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của ông A, bà T; bản sao Trích lục kết hôn của bà T ông A; Bản sao trích lục khai sinh của cháu Nguyễn Huỳnh K; Bản tự khai ngày 09/7/2019 của bà T;

Ngoài ra, bà T không có yêu cầu khác, không cung cấp chứng cứ gì thêm.

** Quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Nguyễn Thanh A trình bày:*

Ông A thống nhất với trình bày của bà Huỳnh Thị Thủy T về quan hệ hôn nhân, con chung và về việc ông A, bà T đã ly thân với nhau khoảng hai năm nay. Về nguyên nhân mâu thuẫn ông A xác định vợ chồng có cãi vã với nhau sau đó bà T bỏ nhà đi. Trước yêu cầu ly hôn của bà T thì ông A không đồng ý vì vẫn còn thương vợ con. Nếu bà T quay trở về cùng sinh sống với ông A thì ông A vẫn đồng ý; ông A xác định không có giải pháp nào để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ với nhau.

Về con chung: Ông A thống nhất giữa bà T và ông A có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh K, sinh ngày 29/10/2008. Trong quá trình giải quyết vụ án nếu Tòa án giải quyết cho ông A và bà T ly hôn thì nguyện vọng của cháu K muốn sống với ai thì đề nghị Tòa án giao cho người đó, người còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông A không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ ông A giao nộp: Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt của ông A.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương có ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng, đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn ông A có yêu cầu xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên đề nghị xét xử vắng mặt các đương sự. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa nhận thấy mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông A là trầm trọng, không hàn gắn đoàn tụ được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn của bà Huỳnh Thị Thủy T. Bà T được ly hôn với ông A; giao con chung tên Nguyễn Huỳnh K, sinh ngày 29/10/2008 cho Huỳnh Thị Thủy T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh A có hộ khẩu thường trú tại Tổ G, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật tranh chấp là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Thanh A vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Thanh A.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Huỳnh Thị Thủy T và ông Nguyễn Thanh A chung sống với nhau, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 43 ngày 29/3/2010. Như vậy, hôn nhân giữa bà T và ông A là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Bà T trình bày quá trình chung sống cách đây khoảng hai năm bà T và ông A thường phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã, đã

ly thân khoảng hai năm nay không còn sống chung với nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông A. Ông A thống nhất với trình bày của bà T quan hệ hôn nhân, con chung, thời gian ly thân. Về nguyên nhân mâu thuẫn ông A xác định vợ chồng có cãi vã với nhau sau đó bà T bỏ nhà đi. Ông A không đồng ý ly hôn với bà T vì xác định vẫn còn yêu thương vợ con.

Ông A không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hiện cả hai đã ly thân không còn quan tâm chăm sóc cho nhau, ông A có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Xét quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên tình yêu thương, trách nhiệm, nghĩa vụ, sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bà T và ông A không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông A đã trầm trọng. Nên việc bà T yêu cầu ly hôn với ông A là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] *Về con chung*: Quá trình giải quyết vụ án bà T và ông A thống nhất có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh K, sinh ngày 29/10/2008. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Huỳnh K và không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung. Ông A trình bày nếu Tòa án giải quyết cho ông A và bà T ly hôn thì nguyện vọng của cháu K muốn sống với ai thì đề nghị Tòa án giao cho người đó, người còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, hiện nay cháu Nguyễn Huỳnh K đang do bà T nuôi dưỡng. Tại Bản tự khai ngày 09/7/2019, cháu Nguyễn Huỳnh K có nguyện vọng được sống với mẹ là bà Huỳnh Thị Thủy T. Nguyện vọng của cháu K phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, phù hợp với ý kiến của bà T, ông A nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà T, ông A không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Thủy T đối với ông Nguyễn Thanh A về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Thủy T được ly hôn với ông Nguyễn Thanh A.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Huỳnh K, sinh ngày 29/10/2008 cho bà Huỳnh Thị Thủy T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Thị Thủy T về việc không yêu cầu ông Nguyễn Thanh A cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Huỳnh Thị Thủy T và ông Nguyễn Thanh A đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Huỳnh Thị Thủy T và ông Nguyễn Thanh A không tranh chấp, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Thủy T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm mà bà T đã nộp theo biên lai thu số: AA/2016/0031613 ngày 11 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/10/2019).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHADS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hải Nam

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Phi Nguyễn Thị Thu Thu

Trần Hải Nam

